

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 51/2003/
NĐ-CP ngày 16/5/2003 quy định chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc.****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05 tháng 8 năm 2002 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ nhất, quy định danh sách các Bộ và cơ quan ngang Bộ của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

Ủy ban Dân tộc là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công và thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số

86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác về dân tộc;

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động và các công trình quan trọng thuộc lĩnh vực công tác dân tộc;

3. Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban;

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình sau khi được phê duyệt và các văn bản pháp luật khác thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân tộc;

5. Điều tra, nghiên cứu, tổng hợp về nguồn gốc lịch sử, sự phát triển của các dân tộc, các tộc người, các dòng tộc; đặc điểm, thành phần dân tộc, kinh tế xã hội, đời sống văn hóa, phong tục tập quán và những vấn đề khác về các dân tộc;

6. Phối hợp hoạt động với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở Trung ương trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước về quyền dùng tiếng nói, chữ viết; về phát triển giáo dục, mở mang dân trí, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số; về chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số;

7. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia về dân tộc; tổ

chức chỉ đạo thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, công bằng xã hội giữa các dân tộc, chống mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc;

8. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương chỉ đạo thực hiện các dự án mô hình thí điểm, các chính sách ưu đãi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Chính phủ giao; tổng kết thực tiễn và nhân rộng các mô hình phát triển có hiệu quả.

Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc thực hiện các chính sách cụ thể, biện pháp ưu tiên phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh, quốc phòng vùng dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế hàng hóa đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa;

9. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số;

10. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các biện pháp cụ thể để duy trì, bảo tồn và phát triển các tộc người;

11. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan giúp Chính phủ xác định tiêu chí phân định các khu vực theo trình độ phát triển ở vùng dân tộc và miền núi và điều chỉnh các tiêu chí cho phù hợp với nhịp độ phát triển theo từng thời kỳ;

12. Tiếp đón, thăm hỏi đồng bào các dân tộc thiểu số; phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương giải quyết các nguyện vọng chính đáng của đồng bào theo đúng chế độ chính sách và quy định của pháp luật.

Tổ chức các cuộc gặp gỡ giữa các dân tộc để giao lưu trao đổi kinh nghiệm nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

Chỉ đạo và hướng dẫn việc xây dựng những điển hình tập thể và cá nhân tiêu biểu, có uy tín

là người dân tộc thiểu số gương mẫu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm hạt nhân trong phong trào giữ gìn trật tự xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh;

13. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số;

14. Tham gia thẩm định các đề án, dự án đầu tư có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số; thẩm định và kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực dân tộc;

15. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc;

16. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật;

17. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công tác dân tộc;

18. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể thuộc quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp của nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban quản lý theo quy định của pháp luật;

19. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc thuộc thẩm quyền của Ủy ban;

20. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Ủy ban theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

21. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với

cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban; đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và những người làm công tác dân tộc;

22. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban

a) Các tổ chức giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

1. Vụ Chính sách dân tộc;
2. Vụ Công tác dân tộc Tây Bắc (gọi tắt là Vụ Địa phương I);
3. Vụ Công tác dân tộc Tây Nguyên (gọi tắt là Vụ Địa phương II);
4. Vụ Công tác dân tộc đồng bằng Sông Cửu Long (gọi tắt là Vụ Địa phương III);
5. Vụ Tuyên truyền;
6. Vụ Pháp chế;
7. Vụ Kế hoạch - tài chính;
8. Vụ Hợp tác quốc tế;
9. Vụ Tổ chức cán bộ;
10. Thanh tra;
11. Văn phòng.

b) Các tổ chức sự nghiệp thuộc Ủy ban:

1. Viện Dân tộc;
2. Trường Đào tạo nghiệp vụ công tác dân tộc;
3. Trung tâm Tin học;
4. Tạp chí Dân tộc;
5. Báo Dân tộc và phát triển.

Điều 4. Ủy viên kiêm nhiệm của Ủy ban

Ủy viên kiêm nhiệm của Ủy ban Dân tộc do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Nghị định này thay thế Nghị định số 59/1998/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2002/QH11 ngày 05 tháng 8 năm 2002 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ nhất quy định danh sách các Bộ và cơ quan ngang Bộ của Chính phủ;